

Phòng giáo dục Núi Thành
Trường THCS Phan Bá Phiến

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam
Độc lập - tự do - hạnh phúc
=====o0o=====

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÀI CHÍNH THU CHI NGÂN SÁCH 2023 VÀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ & KHÔNG TỰ CHỦ,
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CCTL

Năm 2023 là năm thực hiện luật ngân sách sửa đổi. Dự toán xây dựng ổn định theo thời gian nguồn KP chi hoạt động thường xuyên và không thường xuyên

Căn cứ quyết định & công văn tài chính năm học 2023-2024 ./

Về việc giao chỉ tiêu biên chế và người lao động trong cơ quan đơn vị HCSN

- **QUYẾT ĐỊNH SỐ 10.300/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022. UBND-HUYỆN NÚI THÀNH**

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 chi sự nghiệp giáo dục.

- **QUYẾT ĐỊNH SỐ 3371/ QĐ-UBND, ngày 9/12/2022 của UBND Tỉnh Quảng Nam về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội & dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022**

Căn cứ QĐ số 10.301/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Núi Thành Về việc ban hành một số giải pháp chủ yếu ,chỉ đạo điều hành kế hoạch và phát triển KT-XH ,Dự toán NSNN và kế hoạch đầu tư vốn phát triển NSNN năm 2023, trên địa bàn huyện Núi Thành

Căn cứ QĐ 5379/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND huyện Núi Thành Về **việc giao biên chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập.**

Căn cứ các QĐ cấp KP bổ sung cho sự nghiệp giáo dục đến tháng 12 năm 2022

Đơn vị Trường TH CS Phan Bá Phiến, Lập báo cáo thu chi sau:

I) PHẦN I

A/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN ĐẾN THÁNG 13 SỐ LIỆU ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 01 NĂM 2024 CHÍNH LÝ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC .

1. Dự toán được cấp theo đề nghị của phòng Tài Chính – kế hoạch và chi cục trưởng chi cục thuế huyện Núi Thành ”.

I) Dự toán giao :(Chi thường xuyên) .

Mã đơn vị	Nội dung	Tài khoản	Chương	Khoản	Tính chất nguồn	DỰ TOÁN	Số đã chi & tạm ứng	Số dư dự toán
1025734	Chi thường xuyên	9527.3	622	073	12	134.933.000	134.933.000	0
1025734		9523.3	622	073	13	5.142.943.000	5.143.943.000	0
1025734		9523.3	622	073	14	318.676.000	318.676.000	0
1025734		9527.3	622	073	15	33.98.000	22.980.000	11.000.000
TỔNG CỘNG						5.631.532.000	5.620.532.000	11.000.000

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Phan

Bá Phiến

Mã ĐVQHNS: 1025734

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT
DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN			Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSN	Mã ngành kinh tế	Mã NDK T	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
						5.620.532.000	5.620.532.000	5.620.532.000	5.620.532.000
						5.620.532.000	5.620.532.000	5.620.532.000	5.620.532.000
Tiền lương			6000			2.679.777.197	2.679.777.197	2.679.777.197	2.679.777.197
Lương theo ngạch, bậc			6001			2.679.777.197	2.679.777.197	2.679.777.197	2.679.777.197
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6050			132.550.975	132.550.975	132.550.975	132.550.975
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051			63.356.380	63.356.380	63.356.380	63.356.380
Tiền công khác			6099			69.194.595	69.194.595	69.194.595	69.194.595
Phụ cấp lương			6100			1.230.022.780	1.230.022.780	1.230.022.780	1.230.022.780
Phụ cấp chức vụ			6101			47.047.290	47.047.290	47.047.290	47.047.290
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ			6105			21.336.641	21.336.641	21.336.641	21.336.641

Các thiết bị công nghệ thông tin			6912			41.127.832	41.127.832	41.127.832	41.127.832
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949			114.190.600	114.190.600	114.190.600	114.190.600
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn			6950			47.300.000	47.300.000	47.300.000	47.300.000
Tài sản và thiết bị văn phòng			6955			33.300.000	33.300.000	33.300.000	33.300.000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6956			14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000			240.412.462	240.412.462	240.412.462	240.412.462
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001			673.000	673.000	673.000	673.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động			7004			5.951.000	5.951.000	5.951.000	5.951.000
Chi khác			7049			233.788.462	233.788.462	233.788.462	233.788.462
Mua sắm tài sản vô hình			7050			28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			7053			28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000
Chi khác			7750			27.475.800	27.475.800	27.475.800	27.475.800

Chi các khoản phí và lệ phí			7756			1.620.000	1.620.000	1.620.000	1.620.000
Chi các khoản phí và lệ phí			7756			1.620.000	1.620.000	1.620.000	1.620.000
Chi tiếp khách			7761			8.225.000	8.225.000	8.225.000	8.225.000
Chi các khoản khác			7799			17.630.800	17.630.800	17.630.800	17.630.800
Cộng:						5.620.532.000	5.620.532.000	5.620.532.000	5.620.532.000
Phần KBNN ghi:									

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

4

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Phan Bá Phiến

Mã ĐVQHNS: 1025734

Mã cấp NS:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Chi tiếp khách			7761			8.225.000	8.225.000	8.225.000	8.225.000
Chi các khoản khác			7799			17.630.800	17.630.800	17.630.800	17.630.800
Cộng:						5.620.532.000	5.620.532.000	5.620.532.000	5.620.532.000
Phần KBNN ghi:									

5

- 1) – Nguồn kinh phí , thực hiện chế độ tự chủ nguồn 13&14
- Chi cho con người : 4.958.619.931đ
 - Chi hàng hoá dịch vụ : 177.819.385đ
 - Chi mua sắm TSCĐ : 47.300.000đ
 - Chi tu di sửa chữa TSCĐ : 145.905.222đ
 - Chi hoạt động CM : 240.412.462đ
 - Chi khác : 27.475.600đ.
 - Tổng cộng : 5.597.552.000đ
- 2) Nguồn kinh phí, thực hiện chế độ không tự chủ nguồn 12 &15.
- Chi chế độ chính sách HS : 22,980.000đ
 - Tổng cộng : 22.980.000đ

* **TỔNG CỘNG NGUỒN KINH PHÍ CHI : 5.620.532.000đồng.(4 nguồn).**

* **SO SÁNH GIỮA THU & CHI : kinh phí còn lại đề nghị xét chuyển năm sau:**

Nguồn 12 huỷ bỏ: 26.805.000đồng

NGUỒN KP (12-13-14)	THU	CHI	TỜN	Đề nghị ch/sang năm sau
Nguồn 13 (KP tự chủ)	5.143.943.000	5.143.943.000	o	0
Nguồn 12 (KP 0 tự chủ):	134.933.000	134.933.000	0	0
Nguồn 14 : (KPCCTL)	318.676.000	318.676.000	0	0
Nguồn 15 (KP không tự chủ)	33.980.000	22.980.000	11.000.000	11.000.000
TỔNG CỘNG	5.631.532.000	5.620.532.000	11.000.000	11.000.000

Đề nghị xét chuyển sang năm 2023: 11.000.000((Mười một triệu đồng chẵn)

III. PHẦN III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUI CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

Năm 2023 trường THCS Phan Bá Phiến đã xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ , tạo điều kiện trong việc quản lý chi tiêu tài chính áp dụng thống nhất trong đơn vị .

Dự toán lập ổn định làm căn cứ để quản lý & thanh toán các khoản chi tiêu thực hiện kiểm soát qua KBNN, cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính....

Nâng cao chất lượng giảng dạy, phục vụ trong CBGV .CNV

Thực hành tiết kiệm chống lãng phí sử dụng KP có hiệu quả .

Thực hiện công khai dân chủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động.

hàng tháng hàng quý công khai tài chính 1lần (trong cuộc họp HĐGD , đoàn thể...)

Báo cáo kinh phí thu chi của tháng ,quí, năm tài chính , được hội đồng nhất trí cao.

Tham mưu với BHXH chi trả chế độ thay lương, kịp thời cho CBGV nghỉ hộ sản, ốm đau, ...

Ngoài ra nhà trường chi cho các hoạt động dạy và học & các hoạt động khác ...

Trong quá trình thực hiện có sự phối hợp giữa nhà trường & Công đoàn đều thông qua CBVC thống nhất cao.

****Vậy tổng dự toán chi cho hoạt động thường xuyên NSNN năm 2023:**

5.620.532.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm hai mươi nghìn năm trăm ba hai đồng chẵn).

Tam Tiến, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Kế toán

Chủ tịch Công Đoàn

Thủ trưởng đơn vị



Mai Văn Lực